

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2024

“V/v tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Xuân Vinh
- Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2024/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị S - Sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L - Sinh năm: 1974

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Hồ Thị S** trình bày:

Chị và anh **Nguyễn Văn L** tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (N là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 05 tháng 01 năm 1995. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sinh hoạt hằng ngày, bất đồng quan điểm và mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Từ đầu năm 2023, anh **L** không còn chung sống với chị nữa mà đã chuyển về sống với người thân ở **tổ dân phố D, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**. Từ đó đến nay, không ai còn quan tâm hay hỏi han gì đến ai nữa, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được và hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh **L** nữa, nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn với anh **L** để ổn định cuộc sống bản thân.

Về con chung, quá trình chung sống, chị và anh **L** có 02 con chung tên là **Nguyễn Thị Thùy L1**, sinh ngày 06 tháng 10 năm 1995 và **Nguyễn Thị Vân A**, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2001. Do hai con đều đã trưởng thành nên sau khi ly hôn, ở với ai là quyền của các con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập nhiều lần cho anh **L** nhưng anh **L** không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh tại Công an phường Q thể hiện: Anh **Nguyễn Văn L** hiện vẫn có hộ khẩu thường trú tại **tổ dân phố D, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**.

Tại Công văn số 2692/CV - QLXNC ngày 23/8/2024 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an tỉnh Q về việc trả lời kết quả xác minh liên quan thông tin xuất nhập cảnh, thể hiện: Anh **Nguyễn Văn L** không có thông tin xuất nhập cảnh.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Q và theo lời khai của anh **Nguyễn Văn S1** (Em trai của anh **L**) cho thấy: Do anh **L** hiện đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt ở nhà. Tuy vậy nhưng gia đình anh **L** cũng đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng nói trên của Tòa án và đã thông báo cho anh **L** biết về nội dung, thời gian đến trụ sở Tòa án để tham gia tố tụng. Tuy nhiên, mặc dù anh **L** không có mặt theo các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh **L** và gia đình cũng đã bàn bạc với nhau về việc giải quyết nội dung vụ

án. Theo đó, anh **L** trình bày về quan hệ hôn nhân với chị **S**, anh đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án; về con chung, anh vẫn thừa nhận có hai con chung như chị **S** trình bày, nhưng do hai con đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung, anh xác định vợ chồng không có nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 09/9/2024, trước đó đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh **L**, tuy nhiên, do anh **Nguyễn Văn L** vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Ngày 25/9/2024, Tòa án nhận được Đơn đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa của Tòa án và bản tự khai của anh **Nguyễn Văn L** (gửi qua đường bưu điện). Nội dung trong đơn và **B** tự khai của Anh **L** thể hiện: Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên do hiện tại anh phải đi làm ăn xa, không thể về có mặt để tham dự, nên đề nghị xin được vắng mặt. Anh thừa nhận giữa anh và chị **Hồ Thị S** là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Q** (Nay là phường **Q**, thị xã **B**). Sau thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện tại hai người không còn quan tâm gì đến nhau nữa, nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **S**. Về con chung anh cũng trình bày vợ chồng có hai đứa con chung tên là **Nguyễn Thị Thùy L1**, sinh ngày 06/10/1995 và **Nguyễn Thị Vân A**, sinh ngày 01/5/2001. Hiện tại các con đã trưởng thành, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản và nợ chung anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm; nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về mặt nội dung: Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị **S** và anh **L** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh **Nguyễn Văn L** đã có gửi Đơn đề nghị xin được vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Xét xử vụ án vắng mặt anh **Nguyễn Văn L**; xử cho chị **S** được ly hôn với anh **L**. Do chị **S** và anh **L** không yêu cầu giải

quyết về con chung, tài sản và nợ chung của vợ chồng nên không xem xét giải quyết về các vấn đề này.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Chị **Hồ Thị S** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh **Nguyễn Văn L**. Anh **L** hiện nay đang có hộ khẩu thường trú tại **phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh **Nguyễn Văn L** được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa do đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh **Nguyễn Văn L**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Hồ Thị S** và anh **Nguyễn Văn L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị **S** và anh **L** chỉ sống chung hạnh phúc được một thời gian đầu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn với nhau về kinh tế và trong cách sinh hoạt hằng ngày của mỗi người. Từ đầu năm 2023, anh **L** không còn chung sống cùng chị **S** nữa mà đã chuyển về sống cùng người thân ở trên cùng địa bàn. Cả hai đều không còn quan tâm gì đến nhau nên tình cảm vợ chồng cũng ngày càng lạnh nhạt dần. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị **S** kiên quyết xin được ly hôn với anh **L**.

Đối với anh **Nguyễn Văn L**, mặc dù quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh đều vắng mặt. Tuy nhiên thông qua nội dung Bản tự khai mà anh đã gửi cho Tòa án, anh cũng thừa nhận, giữa anh và chị **S** đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện tại không còn quan tâm gì đến nhau nữa và anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **S**.

Như vậy có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị **Hồ Thị S** và anh **Nguyễn Văn L** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Hồ Thị S**, áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị **Hồ Thị S** được ly hôn đối với anh **Nguyễn Văn L** là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống, chị **Hồ Thị S** và anh **Nguyễn Văn L** có 02 con chung tên là **Nguyễn Thị Thùy L1**, sinh ngày 06 tháng 10 năm 1995 và **Nguyễn Thị Vân A**, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2001. Xét thấy, hiện tại cả hai con đều đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản và nợ chung:

Chị **Hồ Thị S** và anh **Nguyễn Văn L** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị **Hồ Thị S** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh **Nguyễn Văn L**.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Hồ Thị S**, xử cho chị **Hồ Thị S** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn L**.
3. Về quan hệ con chung: Không xem xét.
4. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không xem xét.
5. Về án phí sơ thẩm: Chị **Hồ Thị S** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị **Hồ Thị S** đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003380 ngày 16 tháng 7 năm 2024. Chị **Hồ Thị S** đã nộp đủ tiền án phí.
6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn

vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND phường Quảng Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Hữu Tình**